

340
9-2006

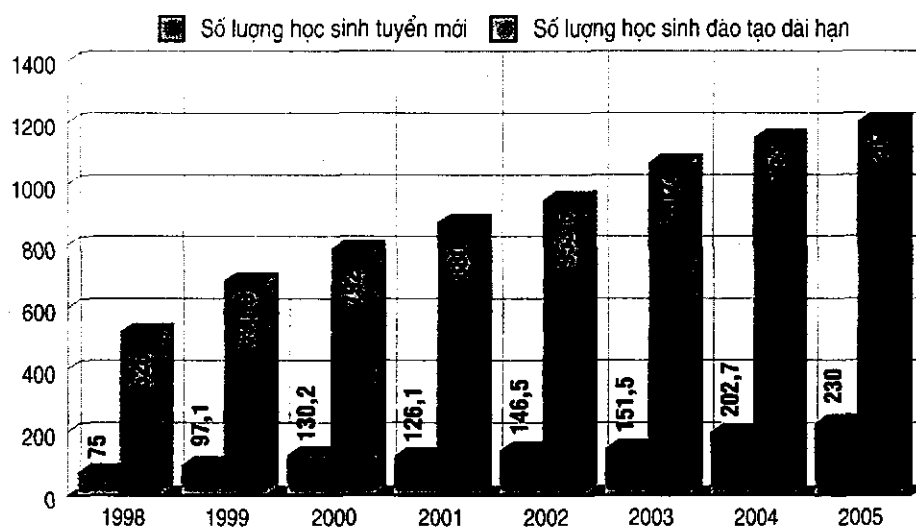
ngiên cứu KINH TẾ

E C O N O M I C S T U D I E S

ISSN-0866-7489

QUY MÔ DẠY NGHỀ GIAI ĐOẠN 1998 - 2005

(Đơn vị: 1.000 người)



Tự do hóa tài chính ■ FINANCIAL LIBERALIZATION

Phát triển lao động kỹ thuật ■ TRAINING OF SKILLED WORKERS

Lương tối thiểu ■ MINIMUM SALARY

Từ kế hoạch đến thị trường ■ FROM CENTRALLY

PLANNING TO MARKET ECONOMY

Kinh tế hàng hóa thời Pháp thuộc ■ COMMODITY ORIENTED

ECONOMY DURING THE FRENCH COLONIAL RULE



VIỆN KINH TẾ VIỆT NAM - VIỆN KHOA HỌC XÃ HỘI VIỆT NAM
VIETNAM INSTITUTE OF ECONOMICS - VIETNAMESE ACADEMY OF SOCIAL SCIENCES

TỔNG BIÊN TẬP

TS. CHỦ VĂN LÂM

Tel: 04-5522808/401

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

TS. NGUYỄN HỮU ĐẠT

Tel: 04-5522808/442;402

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

GS.TS. ĐỖ HOÀI NAM

TS. CHỦ VĂN LÂM

PGS.TS. HÀ HUY THÀNH

TS. NGUYỄN HỮU ĐẠT

TS. VŨ TUẤN ANH

PGS.TS. LÊ CAO ĐOÀN

PGS.TS. TRẦN ĐÌNH THIÊN

PGS.TS. BUI TẤT THẮNG

GS.TSKH. LÊ DU PHONG

PGS.TS. VŨ TRỌNG KHAI

★ TẠP CHÍ NGHIÊN CỨU KINH TẾ

GIẤY PHÉP XUẤT BẢN SỐ

232/GP-BVHTT NGÀY 8/5/2001

★ CHẾ BẢN ĐIỆN TỬ TẠI PHÒNG

MÁY, VIỆN KINH TẾ VIỆT NAM

★ IN TẠI XÍ NGHIỆP IN THỦY LỢI

★ 80 TRANG, KHỔ 20,5 X 29 CM

Giá: 20.000 đ

● **TÀI CHÍNH-TIỀN TỆ**

3 TRẦN THỊ THÁI HÀ: Tự do hóa tài khoản vốn - một vài khía cạnh lý thuyết.

10 LÊ HÙNG: Giải pháp hoàn thiện và phát triển nghiệp vụ thị trường mở.

● **LAO ĐỘNG - TIỀN LƯƠNG**

16 MẠC VĂN TIẾN: Phát triển lao động kỹ thuật ở Việt Nam trong bối cảnh toàn cầu hóa.

22 LÊ THANH HÀ: Tiền lương tối thiểu - vấn đề của các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu (cũ) và ở Việt Nam.

● **KINH TẾ ĐỊA PHƯƠNG**

32 TRƯƠNG MINH DỤC: Đặc điểm lao động ngành thủy sản và giải pháp giải quyết việc làm cho cư dân ven biển miền Trung.

42 HOÀNG XUÂN LONG: Tam giác liên kết ở thành phố Hồ Chí Minh.

● **KINH TẾ CHÍNH TRỊ**

49 PHẠM ĐỨC CHÍNH: Từ kế hoạch đến thị trường: thành tựu đạt được và những vấn đề còn tranh cãi. (còn nữa)

● **LỊCH SỬ KINH TẾ**

66 NGUYỄN VĂN KHÁNH, NGUYỄN LAN DUNG: Đặc trưng kinh tế hàng hóa ở Hà Nội thời Pháp thuộc.

74 ***: Mạng nghiên cứu kinh tế Việt Nam.

78 ● **TÓM TẮT MỘT SỐ BÀI CHÍNH BẰNG TIẾNG ANH**

Editorial office : 477 Nguyen Trai street, Thanh Xuan District, Hanoi

Tel : 04-5523111; *Fax*: 04.5522812

E - Mail : tapchinckt@hn.vnn.vn

EDITOR-IN-CHIEF**CHU VAN LAM****Tel: 04-5522808/401****DEP.EDITOR-IN-CHIEF****NGUYEN HUU DAT****Tel: 04-5522808/442;402****EDITORIAL BOARD****DO HOAI NAM****CHU VAN LAM****HA HUY THANH****NGUYEN HUU DAT****VU TUAN ANH****LE CAO DOAN****TRAN DINH THIEN****BUI TAT THANG****LE DU PHONG****VU TRONG KHAI****◉ FINANCE-CURRENCY**

- 3** TRAN THI THAI HA: Theoretical sides of financial liberalization.
10 LE HUNG: The over-all solution to an open market.

◉ LABOUR - SALARIES

- 16** MAC VAN TIEN: Skilled workers in the globalization context.
22 LE THANH HA: Minimum salary - a problem in the former socialist Eastern European countries and in Vietnam today.

◉ LOCAL ECONOMY

- 32** TRUONG MINH DUC: Features of the work force in the fishery sector and solution to employment in coastal region in Central Vietnam.
42 HOANG XUAN LONG: A triangle co-operation in HCMC.

◉ POLITICAL ECONOMY

- 49** PHAM DUC CHINH: From the centrally planning to the market oriented economy- successes and outstanding problems. *(to be continued)*

◉ THE HISTORY OF ECONOMICS

- 66** NGUYEN VAN KHANH, NGUYEN LAN DUNG: Features of Hanoi's commodity oriented economy during the French Rule.

- 74** ***: The network for the economic studies.

78 ◉ **SUMMARIES OF SOME MAIN ARTICLES IN ENGLISH**

Đặc trưng kinh tế hàng hóa ở Hà Nội thời Pháp thuộc

NGUYỄN VĂN KHÁNH
NGUYỄN LAN DUNG

Sau khi bị biến thành đất nhượng địa của thực dân Pháp, năm 1891, Hà Nội được công nhận có đủ tư cách pháp nhân và có ngân sách riêng của thành phố. Từ đây, bắt đầu một giai đoạn mới trong lịch sử Hà Nội trên mọi phương diện, nhất là trong lĩnh vực kinh tế và thương mại.

I. TỪ CHÍNH SÁCH ĐỘC CHIẾM THỊ TRƯỜNG CỦA CHÍNH QUYỀN THỰC DÂN

Nội dung cốt lõi trong đường lối phát triển kinh tế của chính quyền Pháp tại Đông Dương được Toàn quyền Đông Dương xác định từ cuối thế kỷ XIX là "Phát triển công nghiệp theo phương hướng không cạnh tranh, không hại cho nền kỹ nghệ chính quốc". Nhưng xuất phát từ mục tiêu kinh tế, tư bản thực dân Pháp vẫn đầu tư và có nhiều khuyến khích trong việc phát triển những ngành kinh tế quan trọng có khả năng mang lại lợi nhuận cao.

Để thực hiện mục tiêu đó, thực dân Pháp thực hiện chính sách độc quyền, tạo điều kiện để tư bản Pháp nắm hầu hết các mạch máu kinh tế quan trọng. Chế độ độc quyền quan thuế được ban hành chính thức từ năm 1887, từng bước được điều chỉnh trong những năm sau đó, và đến năm 1928 được hoàn thiện thành chế độ đồng hóa thuế quan. Theo đó, hàng hóa từ các nước xuất nhập khẩu vào Đông Dương phải chịu mức thuế giống như biểu thuế áp dụng tại chính quốc. Bên cạnh đó, chính quyền thực dân cũng tiến hành cải cách hệ thống tài chính, tiền tệ bằng việc phát hành đồng tiền Đông Dương, gắn nó với hệ thống ngân bản vị, kim bản vị. Tuy nhiên, cho đến tận năm 1945, những cuộc cải cách này vẫn không thể tạo dựng được một hệ thống tiền tệ ổn

định. "Trong khi đồng tiền Việt Nam truyền thống... chỉ còn đóng vai trò thứ yếu, thì đồng tiền phương Tây ngày càng trở thành đồng tiền chính thức, giữ vai trò chủ đạo trong lưu thông"⁽¹⁾. Trong khoảng 50 năm (vào các năm 1890, 1912, 1921, 1929, 1935, 1941 và 1942), thuế môn bài đã 7 lần được điều chỉnh với mức thuế ngày càng cao. Những chính sách này không những tạo điều kiện khuyến khích hàng hóa của Pháp ồ ạt tràn vào lũng đoạn thị trường Việt Nam, mà còn đánh mạnh vào nền kinh tế của người bản xứ. Trong thời kỳ 1940-1945, chính quyền Pháp-Nhật thực hiện chính sách "kinh tế chỉ huy". Để có thể vừa duy trì được nguồn ngân sách thành phố, vừa đáp ứng được nhu cầu của cuộc chiến tranh, chính quyền đồng loạt nâng thuế, đồng thời tăng thêm các thuế tiêu thụ, vận chuyển hàng hóa, thuế muối, thuế rượu, thuế điện thổ.

Tất cả những biện pháp trên của chính quyền đều nhằm bảo vệ hoạt động thương mại của người Pháp, cột chặt nền kinh tế Việt Nam vào nền kinh tế Pháp, đồng thời hạn chế hoạt động công thương nghiệp của người Việt Nam. Điều đó đã gây ra rất nhiều tác động tiêu cực đối với sự phát triển của nền kinh tế hàng hóa Hà Nội thời thuộc địa.

II. ĐẾN TÌNH HÌNH KINH TẾ HÀNG HÓA Ở HÀ NỘI THỜI THUỘC PHÁP

1. Bộ phận kinh tế của tư bản nước ngoài nắm vai trò chi phối

Quá trình chuyển biến của kinh tế Hà Nội gắn liền với các hoạt động đầu tư của tư

Nguyễn Văn Khánh, PGS; & Nguyễn Lan Dung, Đại học Khoa học xã hội và Nhân văn.

(1) Phạm Quang Trung, *Lịch sử tín dụng nông nghiệp Việt Nam (1875-1945)*, Nxb KHXH, HN, 1997, tr 37.

bản Pháp. Đó là việc các cá nhân hay tập đoàn tư bản bỏ vốn sang tổ chức sản xuất hoặc buôn bán nhằm khai thác trong một ngành kinh tế rồi dần dần mở rộng ra nhiều ngành kinh tế khác. Tiếp đó, nhiều tập đoàn hay cá nhân tư bản lại tìm cách thôn tính tập đoàn, cá nhân cùng ngành để thành lập những tập đoàn lớn hơn. Một số tập đoàn tư bản tài chính có cổ phần trong nhiều công ty kinh doanh các ngành kinh tế khác nhau. Bằng cách đó, vốn của các nhà tư bản Pháp kết hợp với nhau một cách chặt chẽ, sử dụng ngày càng tập trung và các tập đoàn tài chính có nhiều vốn nhất đều tìm cách chi phối tất cả các số vốn trên. Từ cuối thế kỷ XIX đến đầu thế kỷ XX, trên thị trường dần xuất hiện những trùm tư bản tài chính Pháp như Ngân hàng Đông Dương, Công ty thổ địa Đông Dương, Ngân hàng Khế ước, Ngân hàng Hồng Kông-Thượng Hải, Ngân hàng Pháp-Hoa... trong đó quan trọng nhất là Ngân hàng Đông Dương. Các cơ quan tài chính này như những con bạch tuộc đã vươn tay thấm tóm hầu hết các hoạt động kinh tế ở Việt Nam nói chung, ở Hà Nội nói riêng.

Để phục vụ cho nhu cầu khai thác thuộc địa, thực dân Pháp đã tiến hành xây dựng một số ngành công nghiệp nặng, như cơ khí, vận tải, điện. Công nghiệp nhẹ và công nghiệp chế biến vẫn là những ngành được tư bản Pháp quan tâm đầu tư hơn cả. Công nghiệp nấu rượu có vị trí quan trọng trong ngành công nghiệp chế biến, bởi nó nhằm mục đích giải quyết nhu cầu ngân sách cho chính quyền Đông Dương. Công ty nấu rượu Bắc Kỳ và Công ty nấu rượu Đông Dương là hai nhà máy rượu lớn nhất tại Hà Nội, độc quyền cung cấp rượu cho toàn bộ Bắc Kỳ⁽²⁾. Ngoài ra, tư bản Pháp còn chú ý đến công nghiệp chế biến lâm sản. Một số lĩnh vực thuộc ngành công nghiệp dịch vụ cũng đã xuất hiện nhưng phát triển còn tương đối chậm.

Hầu hết các hoạt động thương mại lớn, đặc biệt là hoạt động xuất, nhập khẩu đều do các công ty tư bản của Pháp đảm nhiệm (Hãng Descours Cabaud, Denis frères, công

ty Société anonyme des établissements Grantry, Công ty Viễn Đông, I.U.C.I.A...).

Như vậy, bộ phận kinh tế Hà Nội do người Âu (chủ yếu là người Pháp) làm chủ ngày càng hoàn thiện với hai bộ phận chính là công nghiệp và thương nghiệp, trong đó công nghiệp chỉ tập trung vào công nghiệp nhẹ và công nghiệp chế biến. Đó là những ngành công nghiệp mà bản thân tư bản Pháp ở chính quốc không sản xuất được nhiều, hoặc có thể sản xuất nhưng việc chuyên chở quá phức tạp, giá trị kinh tế thấp; hoặc những sản phẩm chỉ ở Hà Nội mới có thể sản xuất được. Quá trình can thiệp của tư bản Pháp nói riêng và tư bản châu Âu nói chung cũng đã mang lại cho nền kinh tế Hà Nội một diện mạo mới. Đó là sự du nhập những kỹ thuật tiên tiến của châu Âu vào những ngành kinh tế truyền thống như dệt, nấu rượu... Bên cạnh đó còn làm xuất hiện một loạt những ngành kinh tế mới như: ngân hàng, điện, nước..., tạo nên một cơ cấu khá đa dạng, nhưng không cân đối của nền kinh tế Hà Nội thời Pháp thuộc.

Đứng sau tư bản Pháp và tư bản Ấn kiều trong hoạt động kinh tế tại Hà Nội là tư bản Hoa kiều. Tư bản người Hoa hoạt động chủ yếu trong thương nghiệp và phần lớn là đại thương hoặc trung thương. Năm 1929, số tiền môn bài của người Hoa chiếm 20,7% tiền môn bài của cả thành phố⁽³⁾. Bán buôn là hình thức kinh doanh chủ yếu. Đối với các hàng hóa nhập khẩu từ Trung Quốc, thương nhân Hoa kiều giữ vai trò độc quyền. "Cả Hà Nội và Hải Phòng có đến bốn, năm trăm Hoa kiều lập hội buôn, bỏ ra những món tiền lớn, nhập cảng rượu, đồ hộp, giành lấy các hoạt động thương mại ở các tỉnh đồng bằng, cạnh tranh với các nhà buôn Pháp"⁽⁴⁾. Họ buôn hàng của các hãng xuất nhập khẩu người

(2) *Annuaire statistique* 1928, E.H.Schneider, Hanoi, 1929.

(3) *Etats récapitulatifs des impôts recouvrés* 1922-1929.

(4) *Le courrier d'Haiphong*, Dẫn theo Nguyễn Văn Uẩn, *Hà Nội nửa đầu thế kỷ XX*, Nxb Hà Nội, HN, 1995, T2, tr 142.

Âu ở Hà Nội, bán lại cho nhà buôn nhỏ Việt Nam; làm đại lý cho các hãng ở Hương Cảng, Thượng Hải. Nhiều người Hoa chuyên hoạt động xuất khẩu nông sản vào Nam Kỳ, sang Trung Quốc, Cao Miên. Ngoài ra, người Hoa cũng mở nhà máy, mang đến một số nghề mới hoặc đóng góp kỹ thuật vào một số nghề đã có ở Hà Nội, như thợ may, đồ vàng bạc, giấy tráng kim, thủy tinh...

Bên cạnh tư bản Pháp và Hoa kiều còn có hoạt động của tư bản Nhật kiều, Ấn kiều, nhưng không đáng kể.

2. Bộ phận kinh tế tư sản dân tộc ngày càng phát triển

Tuy gặp nhiều khó khăn do chính sách cạnh tranh, chèn ép của chính quyền thực dân, nhưng dưới thời thuộc địa, nền công thương nghiệp dân tộc của người Việt Nam ở Hà Nội vẫn có những chuyển biến khá nhanh chóng.

Quá trình vận động của công thương nghiệp Việt Nam gắn liền với những chính sách cụ thể của chính quyền thực dân và hoàn cảnh lịch sử. So với những năm cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, những năm 1919-1929 là thời kỳ phát triển mạnh nhất của bộ phận kinh tế tư sản dân tộc. Tính đến năm 1929, số lượng thương nhân người Việt ở Hà Nội đã tăng 1,34 lần và đến năm 1939 tăng 1,57 lần⁽⁵⁾; họ hoạt động trên nhiều lĩnh vực kinh tế, với quy mô khác nhau và bắt đầu có sự liên kết trong việc xây dựng một nền kinh tế của người Việt Nam.

Bên cạnh công nghiệp, thủ công nghiệp tập trung là bộ phận kinh tế quan trọng nhất. Nhờ tận dụng được những thuận lợi sẵn có, nhất là không vấp phải sự cạnh tranh quá gay gắt của hàng ngoại nhập nên sản xuất tiểu thủ công nghiệp đã có những bước tiến đáng kể. Ngoài ra, một số nghề thủ công mới do người Pháp đưa vào cũng khá phát triển. "Những hoạt động thủ công nghiệp đều có hoặc ở trong lĩnh vực nghề

ngiệp cổ truyền như khắc gỗ, kim hoàn, đúc, làm các đồ xà cừ, tráng men, ngọc thạch, ngà voi, hoặc ở trong lĩnh vực những công nghệ mới như thêu, làm đăng ten, làm thảm len..."⁽⁶⁾. Bên cạnh đó, cũng có một số nghề thủ công truyền thống lâm vào tình trạng sa sút.

Nhìn chung, thủ công nghiệp của người Việt Nam thời kỳ này chủ yếu vẫn là thủ công nghiệp gia đình và thường gắn liền với thương nghiệp. Nhưng trong giai đoạn này, nhiều hộ gia đình đã bắt đầu chuyển sang chuyên hoạt động kinh doanh. Vào những năm 1920, khu vực Cửa Đông chiếm khoảng 65% số hộ kinh doanh và khoảng 66% tiền môn bài của Hà Nội. Đây cũng là khu vực kinh tế quan trọng nhất của Hà Nội thời kỳ này. Tuy nhiên, hoạt động kinh doanh của người Việt ở đây chủ yếu là kinh doanh nhỏ lẻ. Số người đóng thuế môn bài dưới 20 đồng chiếm hơn 50% tổng số người đóng thuế môn bài cùng mức đó của cả thành phố, trong khi số người đóng thuế môn bài từ 50 đến 100 đồng chỉ chiếm 2%. Số lượng ngành nghề kinh doanh ở đây khá đa dạng.

Hoạt động thương mại đồng thời cũng là trung tâm phân phối hàng hóa lớn nhất của Hà Nội diễn ra tại khu vực chợ Đồng Xuân. Đây là nơi tiêu thụ và phân phối hàng hóa giữa thành thị và nông thôn, giữa đồng bằng và miền núi, giữa Bắc Kỳ với Trung Kỳ, Nam Kỳ. Còn những người kinh doanh nhỏ lẻ phần lớn hoạt động ở các chợ địa phương. Hoạt động buôn bán tại hệ thống chợ ở Hà Nội liên tục gia tăng, thể hiện qua bảng thống kê về thuế chợ sau đây.

(5) Vũ Thị Minh Hương, *Nội thương Bắc Kỳ 1919-1939*, Luận án tiến sĩ, Tư liệu Viện Sử học, Hà Nội, 2000, tr 44.

(6) Dumarest, *La formation des classes en pays Annamite*, tr 277, Dẫn theo Trần Huy Liệu, *Lịch sử thủ đô Hà Nội*, Nxb Khoa học xã hội, HN, 1960, tr 159.

Đặc trưng kinh tế ...

BẢNG 1: Tổng doanh thu thuế chợ tại Hà Nội qua các năm^{(7),(8)}

Đơn vị tính: Đồng Đông Dương(\$)

Năm	1897	1898	1899	1900	1901
Tổng số thuế	45.095.94	46.845.95	59.300.04	63.139.95	71.497.40
Năm	1930	1931	1932	1933	1934
Tổng số thuế	229.494.62	241.368.62	245.473.88	232.252.60	225.512.04

Có thể nói, công thương nghiệp dân tộc tại Hà Nội thời kỳ Pháp thuộc đã có sự chuyển biến đáng kể. Trước hết, đó là sự tham gia của giới công nghiệp Việt Nam vào một số ngành nghề mới như in ấn, dệt may, chế biến... Nhưng lĩnh vực thu hút sự quan tâm của người Việt Nam hơn cả là thủ công nghiệp. Tuy nhiên, nhìn chung, sản xuất công nghiệp của người Việt Nam vẫn là sản xuất nhỏ và phát triển không đồng đều. Trong thương nghiệp bắt đầu có xu hướng chuyển dịch từ sản xuất-kinh doanh sang kinh doanh thuần túy. Hoạt động phổ biến là buôn bán nhỏ. Số lượng các thương nhân lớn người Việt Nam chiếm tỷ lệ rất nhỏ bé, khoảng 0,1% trong tổng số hộ đăng ký kinh doanh của cả thành phố. Dưới thời Pháp thuộc, công thương nghiệp dân tộc còn non yếu, không đồng đều, nhưng một nền sản xuất, kinh doanh do người Việt Nam làm chủ đã hình thành.

So với công nghiệp và thương nghiệp, nông nghiệp chiếm một tỷ trọng khiêm tốn trong cơ cấu kinh tế của Hà Nội và chủ yếu tập trung ở khu vực phía Nam và phía Tây thành phố, tương đương với địa phận của huyện Hoàn Long⁽⁹⁾. Năng lực sản xuất, trồng trọt, chăn nuôi của Hà Nội chỉ đủ cung cấp cho một phần nhu cầu tiêu dùng của thị trường Hà Nội. Vì vậy, phần lớn các loại rau, cây lương thực, thực phẩm đều được mang từ các địa phương lân cận đến Hà Nội.

3. Hà Nội trong quan hệ với thị trường trong nước và nước ngoài

Hà Nội có mối quan hệ thương mại với tất cả các vùng thuộc Bắc Kỳ và một số vùng thuộc Trung Kỳ, Nam Kỳ, trong đó quan hệ thương mại với các tỉnh Bắc Kỳ chiếm vị trí

quan trọng nhất. Hoạt động này diễn ra trên quy mô lớn và có sự tăng trưởng nhanh chóng dưới thời Pháp thuộc. Hàng hóa trao đổi trên thị trường Hà Nội phong phú, đa dạng với khối lượng lớn từ nông sản, sản phẩm đánh bắt, hàng thủ công đến các mặt hàng công nghiệp.

Trong quan hệ buôn bán, trao đổi hàng hóa với các tỉnh đồng bằng, hàng hóa chiếm thị phần cao nhất là các sản phẩm nông nghiệp. Năm 1919, tỉnh Hưng Yên chở đến Hà Nội và Hải Phòng 12.348 tấn gạo, 10.555 tấn thóc và 10.798 tấn ngô. Số gạo được chuyển đi từ ga Thị Cầu năm 1930 là 350 tấn và năm 1931 là 2100 tấn⁽¹⁰⁾. Ngoài ra, Hà Nội còn tiếp nhận khá nhiều ngô, lạc vùng, chè, dầu tằm từ các địa phương khác. Sản phẩm từ chăn nuôi và đánh bắt ngày càng chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu hàng hóa trao đổi giữa Hà Nội với các địa phương. Hà Đông, Thái Bình, Hải Dương, Bắc Ninh là những tỉnh cung cấp thịt gia súc cho Hà Nội nhiều hơn cả. Ngoài nông sản, các địa phương còn mang tới các sản phẩm thủ công nghiệp với các chủng loại đa dạng, như hàng mây tre (Hà Nam), chiếu cói (Nam Định, Ninh Bình, Thái Bình), vải lụa (Hà Đông, Nam Định), gốm sứ (Bát Tràng), hàng thêu, ren (Hà Đông)...

(7) Paul Doumet, *Situation de l'Indochine 1897-1901*, E.H.Schneider, Hanoi, 1902, p 548.

(8) *Renseignement sur l'activité économique, 1930-1935*.

(9) Năm 1915, huyện Hoàn Long tách khỏi Hà Nội và sáp nhập vào tỉnh Hà Đông. Năm 1942, huyện Hoàn Long sáp nhập cùng một số làng khác thuộc thành phố Hà Nội trở thành đại lý Hoàn Long.

(10) *Rapports économique des provinces du Tonkin en 1903*.

BẢNG 2: Lượng hàng từ Bắc Giang vận chuyển đến Hà Nội năm 1925⁽¹¹⁾

(Đơn vị: tấn)

Tháng	1	2	3	4	5	6
Bằng đường thủy	380	1200	780	680	460	360
Bằng đường sắt				70	280	400

Quan hệ trao đổi hàng hóa giữa Hà Nội với các tỉnh trung du, miền núi cũng khá tập nập. Hàng hóa đưa đến Hà Nội từ các tỉnh này chủ yếu gồm than đá, lâm sản, gia súc. Từ tháng 6-1930 đến tháng 6-1931, số lượng gia súc từ

các tỉnh miền núi được đưa về Hà Nội là 1940 đầu gia súc⁽¹²⁾.

Ngay sau khi Hà Nội trở thành đất nhượng địa, các công ty của tư bản Pháp nắm độc quyền trong xuất nhập khẩu đã lần lượt xuất hiện trong nền kinh tế Hà Nội, như Hãng L'UCI, hãng Denis frères, hãng Boy Landry, hãng Poinsard Veyret, hãng Descours Cabaud... Hàng của Pháp chiếm hơn 50% tổng giá trị các mặt hàng nhập khẩu. Cơ cấu mặt hàng nhập khẩu vào Hà Nội khá đa dạng, từ nguyên vật liệu, máy móc, hàng tiêu dùng đến thực phẩm. Hoạt động ngoại thương của Hà Nội phụ thuộc rất nhiều vào cảng Hải Phòng.

BẢNG 3: Giá trị xuất, nhập khẩu của Hà Nội trong các năm 1886, 1887⁽¹³⁾

Năm	Xuất (tấn)	Giá trị (\$)	Nhập (tấn)	Giá trị (\$)
1886	1.991.611.72	234.563.91	131.532.59	24.404.27
1887	2.747.201.82	351.040.27	1.433.674.17	31.679.22

Vào những năm trước cuộc thế chiến thứ hai, hoạt động xuất nhập khẩu của Hà Nội có sự giảm sút rõ rệt. Năm 1932, khối lượng hàng hóa vận chuyển qua cảng Hà Nội đạt 185.000 tấn⁽¹⁴⁾. Tuy nhiên, chỉ vài năm sau đó, số lượng tàu cũng như khối lượng hàng hóa xuất nhập cảng tại Hà Nội chỉ còn 6950 tàu với 126.300 tấn hàng, năm 1938 có 5972 tàu với 123.500 tấn, và đến năm 1939 là 5866 tàu với 115.700 tấn⁽¹⁵⁾.

III. MẤY ĐẶC TRƯNG KINH TẾ HÀNG HÓA HÀ NỘI THỜI PHÁP THUỘC

1. Thời Pháp thuộc, kinh tế Hà Nội chia thành 3 bộ phận: kinh tế của người Âu, của người Việt Nam và của người á kiều (chủ yếu là người Hoa), trong đó bộ phận kinh tế người Âu đóng vai trò chi phối. Dưới đây là tình hình đóng thuế môn bài của các bộ phận thương nhân ở Hà Nội.

BẢNG 4: Số người đóng thuế môn bài tại Hà Nội (1919-1939)⁽¹⁶⁾

Năm	Người Việt	Người Âu	Người Á
1919	3958	99	239
1925	5276	223	281
1929	5343	223	309
1933	6181	287	339
1937	6166	278	327
1939	6226	358	378

(11) *Rapport économique des provinces du Tonkin pendant l'année 1925* (Bac Ninh, Bac Giang, Bac Can).

(12) *Gouvernement général de l'Indochine* (1932), *Rapport sur la situation administrative économique et financière du Tonkin durant la période 1931-1932*, IDEO, Hanoi, p 114. Theo Vũ Thị Minh Hương, Sdd, tr 212.

(13) *Rapport annuel sur les opérations des douanes de l'Annam et du Tonkin 1887*, Impr. F.H.Schneider, 1888, p 10.

(14) *Fonts de la Direction des finances-3157, Budget du port de Hanoi, 1933-1936*.

(15) *Annuaire statistique de l'Indochine de 1937 à 1938*, IDEO, 1939, Hanoi, p 1172, 1173. Dẫn theo Vũ Thị Minh Hương, Sdd, 182.

(16) Vũ Thị Minh Hương, Sdd, tr 44.

Bảng thống kê trên cho thấy, người Việt chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu các thương nhân tại Hà Nội nhưng không nắm vai trò chi phối nền kinh tế. Năm 1923, có tới 91,36% số người nộp thuế môn bài biệt hạng, và 45,74% số người nộp thuế môn bài ngoại hạng của thành phố là người Âu, tương ứng với người Á kiều là 8,66% và 37,2%. Có tới 99% thương nhân người Việt nộp thuế môn bài ở hạng thường⁽¹⁷⁾. Năm 1929, số người Việt nộp thuế môn bài chiếm 90,04% số người nộp thuế môn bài ở Hà Nội, nhưng chỉ chiếm 38,30% số tiền thuế. Cùng năm đó, người Âu chỉ chiếm 3,8% số người kinh doanh tại Hà Nội, nhưng tổng giá trị thuế môn bài của họ lại xấp xỉ của người Việt. Những người Á kiều ở Hà Nội cũng vậy, số lượng chỉ chiếm khoảng 4% nhưng tiền thuế môn bài luôn chiếm 1/5⁽¹⁸⁾.

Có thể nói, quy mô kinh doanh của người Âu và người Á kiều lớn hơn của người Việt Nam rất nhiều. Những ngành kinh doanh quan trọng đều do tư bản Pháp nắm giữ như ngân hàng, đường sắt, vận tải, xuất nhập khẩu. Thương nhân người Hoa phần lớn là đại thương và trung thương, trong khi thương nhân Việt Nam đa số là tiểu thương, rất ít trung thương. Hoạt động kinh tế của người Việt chủ yếu là buôn bán nhỏ lẻ, các ngành nghề thủ công và công nghiệp chiếm tỷ lệ thấp. Hoạt động kinh tế của người Việt Nam chỉ đáp ứng được một phần nhu cầu tiêu dùng của dân cư trong thành phố và địa bàn kinh doanh của họ cũng chỉ giới hạn trong nội thành Hà Nội.

2. Hà Nội là một trung tâm kinh tế lớn nhưng hoạt động sản xuất, buôn bán nhỏ lẻ lại chiếm tỷ lệ lớn

Số người đăng ký đóng thuế môn bài dưới 20 đồng chiếm gần 80%, và chỉ có 1% thương nhân có mức thuế môn bài trên 100 đồng. Năm 1923, có 3,7% người kinh doanh đóng thuế môn bài ở mức ngoại hạng và biệt hạng, còn lại 96,3% đóng thuế môn bài ở hạng thường, tức là dưới 125 đồng. Điều đó cho thấy, thương nhân Hà Nội chủ yếu là

tiểu thương, số lượng trung thương và đại thương rất ít. Nếu xét theo ngành nghề kinh doanh, đa số các ngành kinh doanh nộp thuế môn bài dưới 20 đồng, chiếm 77%, từ 20 đến 50 đồng là 19%, từ 50 đến 100 đồng là 3% và trên 100 đồng là 1%. Hà Nội là trung tâm trung chuyển hàng hóa lớn nhất của Bắc Kỳ, vì vậy thương nhân Hà Nội thường tìm cách mua hàng từ các nơi khác rồi bán cho lái buôn các tỉnh. Những người buôn bán lớn ở trong và ngoài nước phần nhiều là người Pháp và người Hoa. 95,2% số người đóng thuế môn bài hạng thường là người Việt. Đối tượng phục vụ chủ yếu của thương nhân người Việt là dân cư trong thành phố và địa bàn kinh doanh của họ cũng chỉ giới hạn trong phạm vi nội thành. Số người có khả năng buôn bán với các tỉnh trong nước và với nước ngoài rất ít ỏi. Rất ít những thương nhân tham gia bán buôn hoặc làm đại lý bán hàng cho các công ty nước ngoài.

3. Kinh tế Hà Nội có ba chức năng là sản xuất, tiêu thụ và phân phối, trong đó chức năng phân phối là quan trọng nhất

Khác với Sài Gòn-Gia Định chỉ là trung tâm thương mại, Hà Nội vừa là trung tâm thủ công nghiệp, vừa là trung tâm thương mại. Sự phát triển của nội thương đã thúc đẩy nhiều thành phố, đô thị Việt Nam, trong đó có Hà Nội phát triển thành các trung tâm kinh tế công thương nghiệp.

Dưới thời Pháp thuộc, Hà Nội đã trở thành một trung tâm kinh tế lớn. Lượng hàng hóa được vận chuyển về Hà Nội khá đa dạng và chiếm khối lượng lớn. Một phần hàng hóa này được sử dụng nhằm đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của cư dân thành phố. So với các địa phương khác, Hà Nội được coi là thị trường có khả năng tiêu thụ mạnh nhất, đặc biệt là đối với các mặt hàng thủ công mỹ nghệ, các mặt hàng phục vụ trực tiếp cho nhu cầu tiêu dùng cao cấp.

(17) *Rôles de patentes, 1919-1924.*

(18) *Etats récapitulatifs des impôts recouvrés (1922-1929).*

Hà Nội và nhiều thành phố khác như Hải Phòng, Nam Định đều là những điểm trung chuyển hàng hóa lớn của Bắc Kỳ để xuất khẩu và phân phối hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài vào thị trường trong nước và hàng hóa đi các tỉnh. Đây cũng đồng thời là trung tâm tiêu thụ và phân phối các hàng hóa trong thị trường nội địa thông qua hệ thống các chợ và các điểm bán buôn hàng hóa ở các tỉnh và thành phố. Vì vậy, trên tổng thể, Hà Nội đã trở thành một chợ đầu mối của Bắc Kỳ. Hàng hóa nhập vào Bắc Kỳ đều tập trung tại Hà Nội rồi từ đây được đưa đi khắp các địa phương. Điều đó cho thấy chức năng phân phối của Hà Nội rất quan trọng. Trong khi đó, lượng hàng do Hà Nội sản xuất trong cơ cấu hàng từ Hà Nội xuất đi các địa phương chiếm tỷ trọng rất nhỏ. Điều đó càng chứng tỏ Hà Nội không phải là “thành phố sản xuất”.

4. Kinh tế hàng hóa vẫn mang tính chất nhỏ lẻ, phân tán

Nền kinh tế Hà Nội thời kỳ Pháp thuộc đã có một sự phát triển đáng kể với một cơ cấu kinh tế đang từng bước được đa dạng hóa và quy mô lớn hơn hẳn giai đoạn trước. Sản xuất tăng nhanh và đã có sự trao đổi hàng hóa nhiều hơn. Tuy vậy trên tổng thể, quy mô sản xuất hàng hóa của Hà Nội vẫn là quy mô nhỏ. Điều đó thể hiện rõ trong cơ cấu kinh doanh, sản xuất. Hà Nội cho đến giai đoạn này mới chỉ chứa đựng những yếu tố thuận lợi cho việc xây dựng một nền kinh tế hàng hóa chứ chưa thực sự tạo lập được một nền kinh tế hàng hóa.

Các chính sách của chính quyền thực dân (về tài chính, tiền tệ, thuế, đầu tư, xuất nhập khẩu, chính sách đối với từng ngành kinh tế và khu vực kinh tế) không nhằm mục đích tạo dựng một thị trường thông suốt, đáp ứng nhu cầu giữa người mua và người bán, mà chỉ nhằm đem lại lợi nhuận tối đa cho những nhà tư bản chính quốc. Thị trường Hà Nội đã gắn bó hơn với thị trường trong nước và thị trường thế giới nhưng ở một mức độ rất hạn chế. Hoạt động ngoại thương của Việt Nam gần như

chỉ giới hạn trong quan hệ với Pháp và các thuộc địa của Pháp. Chính quyền thực dân kiểm soát chặt chẽ vấn đề sản xuất, phân phối và giá cả, và trên một số lĩnh vực kinh tế, chính quyền thực hiện chế độ độc quyền cả ba yếu tố này.

5. Sự xuất hiện của những yếu tố mới trong đời sống kinh tế thành phố

Trước hết, đó là sự xuất hiện của những cuộc *triển lãm, hội chợ*. Ngày 15-12-1918, Hội chợ Hà Nội đầu tiên được tổ chức với sự tham gia của 15 công ty thương mại tại Đông Dương. Trong 22 năm (từ 1919-1941), có 15 cuộc hội chợ được diễn ra tại Hà Nội. Đó là dịp để giới thiệu những hàng hóa, kỹ nghệ của Bắc Kỳ và “Những hàng đẹp nhất, chính quyền có thể sẽ mua và gửi về Pháp như những hàng mẫu của nền nghệ thuật Bắc Kỳ”⁽¹⁹⁾.

Hội chợ Hà Nội thu hút sự tham gia của các địa phương trên toàn xứ Đông Dương, mà nhiều nhất là ở Bắc Kỳ. Tới hội chợ còn có các thương nhân nước ngoài đến từ Nhật Bản, Trung Quốc, Hồng Kông, Mã Lai, Philipin, Maroc, Tuynidi, Angêri. Hội chợ Hà Nội trở thành một đặc điểm trong sinh hoạt kinh tế của Hà Nội nói riêng và Bắc Kỳ nói chung. Bằng cách giới thiệu và quảng cáo các sản phẩm, “Hội chợ Hà Nội cho thấy Bắc Kỳ là xứ công nghiệp ưu việt nhất của toàn thể xứ Đông Dương”⁽²⁰⁾.

Triển lãm, hội chợ Hà Nội là một nét mới trong đời sống kinh tế Hà Nội. Việc tổ chức các hội chợ đã góp phần tăng cường sản xuất và trao đổi hàng hóa giữa Hà Nội và các tỉnh, thúc đẩy các ngành kinh tế phát triển. Nhiều tỉnh ở Bắc Kỳ như Nam Định, Hải Phòng, Hà Đông, Bắc Cạn, Thái Bình... cũng tổ chức hội chợ nhưng không thể duy trì thường xuyên và dài lâu như Hà Nội.

(19) Vũ Thị Minh Hương, *Triển lãm và hội chợ ở Hà Nội trước năm 1945*, Tạp chí Nghiên cứu lịch sử, tháng 7-2000, tr 60.

(20) *Hội chợ Hà Nội*, Trung Bắc chủ nhật, số 41-1941.

Bên cạnh hoạt động hội chợ là sự ra đời và phát triển nhanh chóng của đội ngũ *doanh nhân người Việt Nam*. Tư sản Việt Nam ra đời đồng thời với hoạt động đầu tư phát triển kinh tế của thực dân Pháp tại Hà Nội, nhưng số lượng doanh nhân lớn ở đây không nhiều (năm 1884 có 44 người⁽²¹⁾). Những năm sau đó, xuất hiện một số công ty thương nghiệp, hội công thương Việt Nam nhưng chỉ có một số ít tồn tại và phát triển, như Công ty thương mại Quảng Hưng Long, Hợp ích, Bạch Thái Bưởi ... Thị trường nội địa vẫn do tư bản Pháp và Hoa kiều chi phối và lũng đoạn.

Những năm 1914-1929 là thời kỳ tư sản Việt Nam phát triển mạnh mẽ nhất cả về số lượng và quy mô hoạt động. "Họ đã có những cửa hàng lộng lẫy ở những phố sang trọng. Một trong những nhà in khá nhất ở Hà Nội là của một người Việt Nam"⁽²²⁾. Trong vòng 10 năm, số lượng người Việt tham gia kinh doanh tăng 1,32 lần⁽²³⁾. "Ở Hà Nội... những người An nam bán lẻ, bán cát và bán buôn nhiều lắm, lại có mấy nhà buôn xuất nhập cảng và vô số những nhà công nghệ mở cửa hàng"⁽²⁴⁾.

Tuy nhiên, thương mại của người Việt chỉ đảm nhận ở những khâu bán lẻ và ở những mặt hàng thông dụng. Ngay cả trong những thời kỳ phát triển, số lượng người Việt kinh doanh buôn bán lớn chỉ chiếm một tỷ lệ rất nhỏ với các tên tuổi như Vũ Văn An, Lê Văn Tân, Nguyễn Tiến Ân... Hãng buôn Đan Phong, Hãng buôn Trịnh Văn Nghĩa... nắm một số khâu của hoạt động bán buôn. Một số nhà kinh doanh cũng tham gia xuất khẩu; làm thầu khoán như Đỗ Hữu Thục, Trương Hoàn Tĩnh, Cai Ba Thục...

Ngoài mục đích kinh doanh làm giàu, tầng lớp tư sản Việt Nam còn gửi gắm trong đó một tinh thần chính trị: chứng tỏ tinh thần yêu nước, lòng tự tôn dân tộc và mong muốn góp sức phát triển đất nước, khẳng định vị thế của thương nhân Việt Nam. Tư sản Việt Nam đã liên kết lại với nhau, thành lập các hiệp hội buôn bán để chống lại sự cạnh tranh.

Địa vị kinh tế của doanh nhân Việt Nam tuy còn khiêm tốn và chỉ giới hạn ở một số ngành kinh tế nhưng đã góp phần thúc đẩy sự phát triển của bộ phận kinh tế dân tộc, đáp ứng một phần nhu cầu tiêu dùng của bộ phận người bản xứ, đồng thời thể hiện mong muốn chấn hưng nền kinh tế nước nhà.

KẾT LUẬN

Dưới tác động của công cuộc khai thác thuộc địa của tư bản thực dân Pháp, nền kinh tế Hà Nội đã có những biến chuyển quan trọng, trong đó dấu hiệu nổi bật nhất là sự xuất hiện của nền kinh tế hàng hóa. Trong nền kinh tế đó có sự tồn tại xen kẽ, đồng thời của những yếu tố, khu vực, bộ phận kinh tế với quy mô, vai trò khác nhau. Cùng với sự ra đời và mở rộng của bộ phận kinh tế hiện đại, trong nền kinh tế Hà Nội vẫn chứa đựng những bộ phận và một số đặc trưng của phương thức sản xuất truyền thống. Sản xuất hàng hóa quy mô nhỏ còn chiếm tỷ trọng lớn trong nền kinh tế thành phố. Mặc dù vậy, Hà Nội vẫn luôn là thị trường trung tâm của toàn bộ hoạt động thương mại Bắc Kỳ, trong đó vai trò phân phối được thể hiện một cách đậm nét. Các cuộc triển lãm, hội chợ; đội ngũ doanh nhân Việt Nam xuất hiện và ngày càng đông đảo cũng là những nhân tố mới quan trọng thúc đẩy sự phát triển của nền kinh tế hàng hóa. Những đặc trưng trên vừa cho thấy bước phát triển của Hà Nội so với các giai đoạn trước, đồng thời vừa bộc lộ những hạn chế của nền kinh tế Hà Nội dưới thời Pháp thuộc./

(21) Nguyễn Công Bình, *Tìm hiểu giai cấp tư sản Việt Nam thời kỳ Pháp thuộc*, Nxb Văn sử địa, H, 1957, tr 24.

(22) *L'Eveil économique*, 2/1/1921, bài "Les Annamites et le commerce", tr 1, 2, Dẫn theo Trần Huy Liệu, sđd, tr 165.

(23) Vũ Thị Minh Hương, sđd, tr 44

(24) *Những ý nguyện của bản báo*, Khai hóa nhật báo, số 1380, ngày 6-3-1926, tr 1.